

Số: 36 /2018/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 09 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng máy móc thiết bị
của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho Doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại Doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội; phân cấp quản lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành quy chế về quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy;
- TT Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Công báo tỉnh; Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT, CV các khối.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Mùa A Sơn

QUY ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị
của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 56/2018/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 10 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên gồm: Thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị và thẩm quyền quyết định điều chỉnh mức giá trang bị máy móc thiết bị văn phòng phổ biến.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động; đơn vị sự nghiệp công lập, ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Các chức danh làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, pháp luật về viên chức;

b) Cá nhân ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn trực tiếp làm các công việc theo quy định của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

c) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

Điều 3. Máy móc, thiết bị tại cơ quan, tổ chức, đơn vị tại quy định này bao gồm:

1. Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho chức danh và phòng làm việc của chức danh.

2. Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị, bao gồm:

a) Máy móc, thiết bị trang bị tại các phòng phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

b) Máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng và các máy móc, thiết bị khác phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 4. Tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc, thiết bị

1. Đối với máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho chức danh và phòng làm việc của chức danh

a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh được quy định chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện được quy định chi tiết tại Phụ lục III kèm theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã được quy định chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

d) Ngoài máy móc, thiết bị quy định tại các Phụ lục II, III và IV ban hành kèm theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư, mua sắm, điều chuyển, thuê theo quy định của pháp luật quyết định việc trang bị máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cần thiết khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng, khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Việc thực hiện phải tuân thủ quy định của pháp luật, hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và các quy định hiện hành của tỉnh tại Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8.

2. Đối với máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị

Theo chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu sử dụng, thiết kế xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và nguồn kinh phí được phép sử dụng của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thì cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, đầu tư, mua sắm, điều chuyển, thuê thực hiện theo quy định của pháp luật quyết định việc trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 3 quy định này theo hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương và các quy định hiện hành của tỉnh tại Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2018.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định khoản kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị

1. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định khoản kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho cán bộ, công chức và đối tượng khác có tiêu chuẩn sử dụng máy móc, thiết bị thuộc phạm vi quản lý bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Cụ thể:

a) Mức khoán:

$$\text{Mức khoán (đồng/tháng)} = \frac{\text{Mức giá máy móc, thiết bị theo tiêu chuẩn, định mức (đồng)} \times \text{Tỷ lệ (\%) hao mòn theo chế độ quy định}}{12 \text{ (tháng)}}$$

Mức giá máy móc, thiết bị làm cơ sở tính mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị do Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định nhưng không vượt quá mức giá tối đa quy định tại các Phụ lục II, III và IV kèm theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Tỷ lệ (%) hao mòn theo chế độ quy định được xác định theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính. Trường hợp máy móc, thiết bị áp dụng hình thức khoán không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định thì tỷ lệ hao mòn được xác định là 20%/năm.

b) Đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị do Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định cụ thể và phải được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ và Quy chế quản lý sử dụng tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Kinh phí khoán được thanh toán cho đối tượng nhận khoán cùng với việc chi trả tiền lương hàng tháng.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chỉnh mức giá trang bị máy móc thiết bị văn phòng phổ biến

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định mua sắm máy móc thiết bị văn phòng phổ biến đảm bảo không vượt quá mức giá tối đa cho từng loại máy móc, thiết bị quy định tại các Phụ lục II, III, IV kèm theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với trường hợp giá mua máy móc thiết bị văn phòng phổ biến cao hơn không quá 10% so với mức giá tối đa quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với trường hợp giá mua máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có giá cao hơn từ trên 10% đến không quá 20% so với mức giá quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Đối với các máy móc, thiết bị văn phòng thuộc Danh mục tài sản mua sắm tập trung thực hiện theo Quyết định số 849/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị thực hiện (Trường hợp có Quyết định thay thế thì thực hiện theo Quyết định thay thế của cấp có thẩm quyền).

Điều 7. Phân cấp quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị

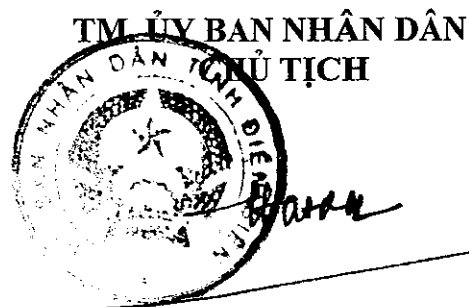
Ngoài các nội dung phân cấp tại Điều 5 và Điều 6 quy định này; thẩm quyền thực hiện mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy, xử lý máy móc, thiết bị trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại; máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của dự án thực hiện theo các quy định hiện hành của tỉnh tại Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2018.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức trang bị máy móc, thiết bị quy định tại Phụ lục II, III và IV ban hành kèm theo Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ và thẩm quyền trong quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị quy định tại Quyết định này; tình trạng máy móc, thiết bị hiện có và nhu cầu cần thiết để thực hiện việc điều chuyển, thay thế, trang bị máy móc, thiết bị theo đúng tiêu chuẩn, định mức hiện hành và theo quy định của pháp luật. Các cá nhân được trang bị, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan, tổ chức, đơn vị phải có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn, bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này và thực hiện thẩm định mức giá, tham mưu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo phân cấp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 6 Quy định này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp./.



Mùa A Sơn